

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**DANH SÁCH CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐỐI VỚI SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY K10
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

1. Danh sách sinh viên ĐHCQ K10 bị cảnh báo học tập học kỳ 2 (2022-2023) □

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Tổng tín học kì 2	Tổng tín qua kì 2 22.23	Tổng tín học	Tổng tín qua	TBC học kỳ	TBC TL	năm sv	Ghi chú
1	1001060359	Đào Ngọc	Hoàn	23/12/2004	KA10A	20	12	29	18	0.81	1.52	1	
2	1001020926	Phạm Thị Thúy	An	11/11/2004	KD10A	20	12	29	21	0.92	1.64	1	
3	1001020067	Trần Thị Ngọc	Ánh	07/12/2003	KD10A	20	12	29	21	0.90	1.73	1	
4	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	20	6	29	12	0.75	2.75	1	
5	1001020166	Đồng Thị Ngọc	Linh	25/08/2004	KD10A	20	0	29	6	0.00	2.50	1	
6	1001020454	Nguyễn Sơn	Tùng	25/10/2004	KD10A	20	0	29	9	0.00	2.00	1	
7	1001020928	Hà Thị Loan	Anh	21/04/2004	KD10B	20	6	29	12	0.51	1.60	1	
8	1001020040	Nguyễn Phương	Anh	18/09/2004	KD10B	20	12	29	21	0.80	1.37	1	
9	1001020078	Đỗ Mạnh	Cường	09/11/2004	KD10B	20	9	29	15	0.89	1.72	1	
10	1001021044	Lưu Hà	Phương	28/01/2004	KD10B	20	0	29	6	0.00	1.85	1	
11	1001020327	Bùi Cát	Tường	27/11/2004	KD10B	20	0	29	6	0.00	1.85	1	
12	1001020937	Nguyễn Tuấn	Anh	19/05/2004	KD10C	20	0	29	6	0.00	2.00	1	
13	1001020946	Lê Thảo	Chi	15/02/2004	KD10C	20	0	29	6	0.00	2.65	1	
14	1001020154	Nguyễn Minh	Khương	06/10/2003	KD10C	20	0	29	6	0.00	2.70	1	
15	1001020240	Nguyễn Hồng	Nhung	31/12/2004	KD10C	20	12	29	18	0.95	1.88	1	
16	1001020105	Nguyễn Thị Thanh	Hà	06/06/2004	KD10D	20	14	29	23	0.99	1.56	1	
17	1001020135	Lê Thị	Huế	26/01/2004	KD10D	20	12	29	18	0.75	1.72	1	
18	1001021098	Đỗ Quang	Huy	18/12/2002	KD10D	23	9	29	15	0.43	1.66	1	
19	1001020199	Nguyễn Chiêu	Minh	08/07/2004	KD10D	23	3	29	6	0.13	1.85	1	
20	1001020216	Lê Thị Bích	Ngọc	15/03/2004	KD10D	20	9	29	18	0.95	2.33	1	
21	1001020233	Nguyễn Yến	Nhi	28/11/2004	KD10D	20	0	29	9	0.00	2.57	1	
22	1001021561	Hoàng Ngọc	Sơn	17/04/2004	KD10D	20	0	29	3	0.00	3.30	1	
23	1001021435	Lưu Đình	Tuyển	05/12/2004	KD10D	20	12	29	18	0.99	2.10	1	
24	1001021433	Đình Thành	Đạt	17/03/2004	KD10E	23	12	29	18	0.73	1.65	1	
25	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD10E	20	9	29	15	0.60	1.86	1	
26	1001020370	Phạm Thị Lệ	Quyên	27/10/2004	KD10E	20	9	29	15	0.84	2.38	1	
27	1001020279	Nguyễn Phương	Thảo	30/10/2004	KD10E	20	0	29	9	0.00	1.77	1	
28	1001020299	Phạm Thị	Thủy	18/06/2004	KD10E	20	14	29	23	0.90	1.52	1	
29	1001020312	Lưu Thị Thùy	Trang	03/08/2004	KD10E	20	9	29	15	0.75	1.92	1	

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Tổng tín học kì 2	Tổng tín qua kì 2 22.23	Tổng tín học	Tổng tín qua	TBC học kỳ	TBC TL	năm sv	Ghi chú
31	1001020335	Đình Quang	Vinh	11/02/2004	KD10E	20	9	29	18	0.90	2.35	1	
32	1001020900	Mẫn Thị	Trang	28/05/2004	KD10G	20	0	29	6	0.00	2.85	1	
33	1001020023	Đỗ Vân	Anh	23/12/2003	KD10H	23	6	29	12	0.39	2.00	1	
34	1001020038	Nguyễn Hữu	Anh	28/02/2004	KD10H	20	11	29	17	0.90	1.99	1	
35	1001021018	Trần Thị Ngọc	Mai	04/02/2004	KD10H	20	0	29	9	0.00	3.10	1	
36	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD10H	23	9	29	15	0.65	1.80	1	
37	1001020326	Đỗ Quang	Tùng	13/09/2004	KD10H	23	9	29	15	0.69	1.72	1	
38	1001010764	Lý Huỳnh	Đức	04/05/2004	NH10A	20	6	29	12	0.35	1.58	1	
39	1001010766	Phan Huy	Đức	13/05/2004	NH10A	20	6	29	15	0.45	1.80	1	
40	1001011688	Phạm Thị Kim	Dung	26/05/2004	NH10A	20	12	29	21	0.95	1.57	1	
41	1001010770	Lương Anh	Dũng	22/11/2004	NH10A	20	3	29	9	0.15	1.23	1	
42	1001011352	Nguyễn Duy	Hưng	25/08/2004	NH10A	20	0	29	6	0.00	2.50	1	
43	1001010800	Nguyễn Hoàng	Lâm	07/02/2004	NH10A	20	6	29	12	0.45	1.65	1	
44	1001020180	Trịnh Thị	Linh	08/08/2004	NH10A	20	0	29	6	0.00	2.20	1	
45	1001010832	Hà Khánh	Nam	25/12/2003	NH10A	20	12	29	18	0.75	1.45	1	
46	1001010853	Trần Thị Như	Quỳnh	12/08/2004	NH10A	20	0	29	3	0.00	3.00	1	
47	1001010859	Nguyễn Quang	Thắng	21/10/2003	NH10A	20	0	29	9	0.00	2.00	1	
48	1001010861	Lê Bá	Thanh	22/03/2004	NH10A	20	9	29	18	0.86	1.97	1	
49	1001010886	Vũ Thanh	Trúc	08/03/2004	NH10A	23	15	29	21	0.90	1.47	1	
50	1001071156	Nguyễn Phương	Nam	12/01/2004	QL10A	20	0	29	9	0.00	2.00	1	
51	1001071443	Phan Ninh	Ninh	13/11/2004	QL10A	20	0	29	9	0.00	2.20	1	
52	1001070455	Trịnh Hữu	Tường	14/02/2004	QL10A	20	6	29	12	0.66	2.10	1	
53	1001031621	Vũ Thị Vân	Anh	04/05/2004	QM10A	23	0	29	6	0.00	1.50	1	
54	1001031466	Đỗ Minh	Diện	19/10/2001	QM10A	20	0	29	6	0.00	2.85	1	
55	1001031224	Nguyễn Lương	Hiếu	22/01/2004	QM10A	20	0	29	6	0.00	2.15	1	
56	1001030682	Nguyễn Tiến	Sỹ	23/11/2004	QM10A	20	9	29	18	0.74	1.65	1	
57	1001030516	Nguyễn Thị Bích	Diệp	22/10/2004	QM10B	20	0	29	9	0.00	1.90	1	
58	1001030559	Trần Minh	Hiếu	16/11/2004	QM10B	20	0	29	9	0.00	2.43	1	
59	1001030623	Nguyễn Hoàng Xuân	Mai	05/02/2004	QM10B	20	3	29	9	0.41	2.57	1	
60	1001030642	Nguyễn Hoài	Ngọc	09/11/2004	QM10B	20	0	29	6	0.00	1.35	1	
61	1001030661	Nguyễn Hà	Phong	09/01/2004	QM10B	23	15	29	21	0.90	1.61	1	
62	1001030744	Dương Thị Hải	Yến	22/11/2004	QM10B	20	6	29	12	0.86	2.58	1	
63	1001031205	Nguyễn Thành	Công	03/08/2004	QT10A	20	0	29	6	0.00	1.50	1	
TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Tổng tín học kì 2	Tổng tín qua kì 2 22.23	Tổng tín học	Tổng tín qua	TBC học kỳ	TBC TL	năm sv	Ghi chú

65	1001031233	Nguyễn Văn	Hùng	19/10/2004	QT10A	20	15	29	24	0.93	1.86	1	
66	1001030684	Nguyễn Trọng	Tài	25/08/2004	QT10A	20	12	29	18	0.92	1.62	1	
67	1001030468	Dương Hoàng	Anh	21/09/2004	QT10B	20	3	29	9	0.20	1.53	1	
68	1001030513	Phùng Văn	Đạt	22/12/2004	QT10B	23	12	29	18	0.78	1.88	1	
69	1001030527	Đinh Tiến	Dũng	12/02/2004	QT10B	20	12	29	21	0.69	1.47	1	
70	1001030575	Vũ Đức Quang	Huy	27/10/1999	QT10B	23	6	29	12	0.44	1.75	1	
71	1001030595	Phạm Bảo	Lâm	04/10/2004	QT10B	20	11	29	17	0.69	1.39	1	
72	1001030671	Nguyễn Lê Hồng	Phượng	19/04/2004	QT10B	20	0	29	6	0.00	2.70	1	
73	1001031329	Hoàng Thế	Vinh	08/08/2002	QT10B	20	3	29	12	0.30	1.75	1	
74	1001010765	Nguyễn Hoàng	Đức	20/10/2004	TC10A	26	9	29	15	0.69	1.80	1	
75	1001010774	Trần Thùy	Dương	17/02/2004	TC10A	20	6	29	15	0.35	1.40	1	
76	1001010788	Nông Vũ	Hoàng	16/08/2004	TC10A	23	12	29	18	0.86	1.72	1	
77	1001010801	Nguyễn Tùng	Lâm	26/09/2004	TC10A	20	6	29	15	0.50	2.00	1	
78	1001010818	Trịnh Phúc	Long	17/04/2004	TC10A	20	12	29	18	0.95	1.98	1	
79	1001010858	Trần Hồng	Thái	09/03/2004	TC10A	20	0	29	6	0.00	2.35	1	
80	1001011441	Nguyễn Đào Vi	Anh	22/09/2001	TC10B	23	8	29	14	0.58	1.87	1	
81	1001010752	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	10/08/2004	TC10B	20	0	29	6	0.00	2.65	1	
82	1001010821	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	TC10B	20	6	29	15	0.71	2.34	1	
83	1001010826	Lê Hoàng	Minh	21/09/2004	TC10B	20	0	29	6	0.00	2.80	1	

2. Danh sách sinh viên ĐHCQ K10 bị cảnh báo học tập học 2 kỳ liên tiếp☐
(Học kỳ 1 và học kỳ 2 năm học 2022-2023)

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Tổng tín học kì 2	Tổng tín qua kì 2 22.23	Tổng tín học	Tổng tín qua	TBC học kỳ	TBC TL	năm sv	Ghi chú
1	1001020283	Nguyễn Thị Thu	Thảo	15/10/2004	KD10A	20	0	29	0	0.00	0.00	1	
2	1001020049	Nguyễn Tuấn	Anh	25/02/2004	KD10B	20	0	29	3	0.00	1.00	1	
3	1001020959	Nguyễn Thị Hương	Giang	08/03/2004	KD10B	20	0	29	0	0.00	0.00	1	
4	1001020183	Đặng Kim	Long	26/03/2004	KD10B	29	0	29	0	0.00	0.00	1	
5	1001021556	Chu Yến	Nhi	04/08/2004	KD10B	26	9	29	12	0.54	1.68	1	
6	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD10E	20	0	29	3	0.00	2.00	1	
7	1001021539	Nguyễn Hữu	Huy	16/03/2004	KD10E	20	0	29	3	0.00	2.00	1	
8	1001021034	Dương Hoàng	Nhi	14/12/2003	KD10E	20	9	29	12	0.90	2.00	1	
9	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD10H	20	3	29	9	0.20	1.20	1	
10	1001020059	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/04/2004	KD10H	20	9	29	12	0.69	1.65	1	
11	1001020158	Đinh Ngọc	Lâm	01/08/2003	KD10H	20	0	29	0	0.00	0.00	1	
TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Tổng tín học kì 2	Tổng tín qua kì 2 22.23	Tổng tín học	Tổng tín qua	TBC học kỳ	TBC TL	năm sv	Ghi chú
12	1001021448	Dương Đình	Thi	14/06/2004	KD10H	20	0	29	0	0.00	0.00	1	

13	1001021573	Lê Thị	Thủy	18/01/2004	KD10H	20	0	29	0	0.00	0.00	1	
14	1001070430	Nguyễn Thị Như	Bình	05/09/2004	KL10A	20	3	29	3	0.30	2.00	1	
15	1001071146	Nguyễn Khánh	Hoàng	08/07/2004	KL10A	20	3	29	3	0.26	1.70	1	
16	1001010781	Trần Huy	Hải	14/07/2004	NH10A	26	8	29	11	0.72	2.17	1	
17	1001010812	Nguyễn Diệp	Linh	25/07/2004	NH10A	20	9	29	9	0.60	1.33	1	
18	1001070429	Nông Quốc	Bảo	18/01/2004	QL10A	26	6	29	9	0.43	1.90	1	
19	1001031190	Phan Thị Mai	Anh	14/05/2004	QM10B	20	0	29	3	0.00	1.70	1	
20	1001030573	Nguyễn Quang	Huy	09/08/2004	QM10B	20	0	29	3	0.00	1.00	1	
21	1001030726	Đào Tuấn	Trường	04/04/2003	QM10B	20	0	29	0	0.00	0.00	1	
22	1001030459	Lê Thị Kim	An	07/04/2004	QT10A	20	0	29	0	0.00	0.00	1	
23	1001030474	Nguyễn Hải	Anh	24/10/2003	QT10B	20	0	29	0	0.00	0.00	1	
24	1001030502	Phạm Minh	Chiến	23/09/2004	QT10B	20	0	29	9	0.00	1.10	1	
25	1001031746	Đặng Minh	Tuấn	27/03/2002	QT10B	20	0	29	0	0.00	0.00	1	
26	1001011465	Trần Cảnh	Hưng	09/10/2004	TC10B	20	0	29	0	0.00	0.00	1	
27	1001010816	Đình Hoàng	Long	10/04/2004	TC10B	20	0	29	3	0.00	2.00	1	
28	1001010891	Hoàng Anh	Vũ	26/08/2004	TC10B	29	6	29	6	0.31	1.50	1	
29	1001080414	Phạm Minh	Phương	22/08/2003	TM10A	26	6	29	9	0.43	1.57	1	
30	1001080419	Nguyễn Thanh	Thảo	04/06/2004	TM10A	20	0	29	3	0.00	2.30	1	

#N/A

Nguyễn Tuấn

#N/A

#N/A

#N/A

#N/A

Nguyễn Hữu

#N/A

#N/A

#N/A

Đinh Ngọc

#N/A

#N/A

#N/A

#N/A

#N/A

#N/A

#N/A

#N/A

Phan Thị Mai

#N/A

Đào Tuấn

Lê Thị Kim

#N/A

#N/A

Đặng Minh

#N/A

#N/A

#N/A

#N/A

Nguyễn Thanh